

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HC-ST

Ngày: 19 - 11 - 2021

*V/v Khiếu kiện hành vi
hành chính*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Đức Long**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Vùi Văn Tiến**

2. Bà: **Hà Thị Nở**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Tiến Dũng** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Hoa** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số 05/2021/TLST-HC ngày 13 tháng 7 năm 2021 về “Khiếu kiện hành vi hành chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2021 và được ấn định thời gian mở lại phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HC ngày 19/10/2021; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà **Đỗ Thị L** - sinh năm 1976

Địa chỉ: số nhà 40, tổ 10, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. (Có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:

Ông **Phạm Tuấn A**, sinh năm 1991

Nghề nghiệp: Luật sư – Công ty luật TNHH AB&PARTNERS chi nhánh Bắc Ninh

Địa chỉ: thôn Ngọc Quang, xã Lâm Thao, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

Thẻ luật sư số: 14522/LS ngày 12/7/2019 (có mặt)

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu
Địa chỉ: Trung tâm hành chính – chính trị, tỉnh Lai Châu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tống Thanh H

Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

(Văn bản ủy quyền số 954/QĐ-UBND ngày 23/7/2021)

(Vắng mặt có lý do)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện gồm:*

+ Ông Lê Thanh H1

Chức vụ: Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu. (Vắng mặt có lý do)

+ Ông Lò Văn D

Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Lai Châu. (Vắng mặt có lý do)

+ Ông Nguyễn Thế P

Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Y tế tỉnh Lai Châu. (Vắng mặt có lý do)

+ Ông Tạ Xuân Đ

Chức vụ: Giám đốc Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Lai Châu. (Có mặt)

+ Ông Nguyễn Công H2

Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên đối thoại và tại phiên toà sơ thẩm người khởi kiện trình bày:

Ngày 19/8/2019 bà L gửi đơn Kiến nghị đến Sở Y tế tỉnh Lai Châu và Thanh tra Bộ Y tế yêu cầu “*Làm rõ số kinh phí 63 tỷ đồng còn dư từ nguồn thu sự nghiệp kết cấu trong giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh BHYT chuyển sang năm 2018 tại các BV tuyến tỉnh, Trung tâm y tế các huyện trực thuộc Sở y tế tỉnh Lai Châu*”. Ngày 30/8/2019 Thanh tra Bộ Y tế ra văn bản số 648/TTrB-P4 chuyển đơn của bà L đến Sở Y tế Lai Châu (SYT) giải quyết theo thẩm quyền. Đến ngày 24/9/2019 Sở Y tế ra Thông báo số 1122/TB-SYT (Thông báo 1122) trả lời đơn Kiến nghị của bà.

Ngày 24/02/2020 bà L làm đơn Tố cáo và kêu cứu khẩn cấp gửi nhiều nơi với các nội dung: *Thứ nhất: hành vi không chi trả phụ cấp đặc thù theo quy định tại Thông tư 37/2015/TTLB-BYT-BTC (Thông tư 37) của 13 đơn vị trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lai Châu; Việc trả lời đơn kiến nghị của bà bằng Thông báo số 1122/TB-SYT “khoản kinh phí thu theo Thông tư 37 không được phép chia cho viên chức, người lao động tại các đơn vị như mọi người đang yêu cầu, làm như vậy là vi phạm pháp luật” đây là việc làm trái với quy định của pháp luật, trái với quy định tại điều 3 Thông tư 37. Thứ hai: Ngày 07/10/2019 Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lai Châu ban hành Quyết định số 1262/QĐ-UBND*

(Quyết định 1262) về việc sử dụng nguồn thu sự nghiệp của các bệnh viện tuyến tỉnh và trung tâm y tế (TTYT) các huyện còn dư năm 2016 và 2017 với số tiền 55.292.710.682 đồng trong số tiền trên 63 tỷ đồng nêu trên để mua sắm trang thiết bị y tế, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất... là tiếp tay cho việc làm trái pháp luật của ngành y tế. Ngày 15/6/2020 UBND tỉnh Lai Châu ban hành văn bản số 1199/UBND-TD (văn bản 1199) trả lời đơn tố cáo.

Ngày 28/6/2020 bà L làm đơn Khiếu nại văn bản số 1199. Đề nghị giải quyết khiếu nại và hủy bỏ văn bản số 1199 vì: *Xác minh đơn tố cáo thuộc thẩm quyền của người giải quyết tố cáo; UBND tỉnh căn cứ Báo cáo số 216/BC-SYT để kết luận nội dung tố cáo là không đảm bảo khách quan, không đúng quy định của pháp luật; Quyết định 1262 sử dụng trên 55 tỷ đồng mua sắm trang thiết bị y tế là quá lớn, việc sử dụng số tiền còn lại có đủ chi trả cho người lao động.* Ngày 05/8/2020 UBND tỉnh Lai Châu ban hành Thông báo số 50/TB-UBND (Thông báo 50) trả lời về việc khiếu nại không đủ điều kiện thụ lý giải quyết “*Căn cứ điều 11 Luật Khiếu nại, văn bản số 1199/UBND-TD không chứa đựng nội dung quyết định hành chính liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lan*”.

Ngày 13/08/2020 bà L làm đơn khiếu nại Thông báo số 50 ngày 05/8/2020 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lai Châu với lý do: *Không nhất trí với Thông báo số 50 vì trái quy định của pháp luật; Hủy bỏ thông báo số 50; Giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật.*

Ngày 23/6/2021 bà L làm đơn khởi kiện vụ án hành chính gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu yêu cầu: *Buộc Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu giải quyết “Đơn khiếu nại” của bà theo quy định của pháp luật.*

Tại phiên tòa trong phần thủ tục, bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trong đơn khởi kiện. Trong phần xét hỏi sau khi nghe trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện cũng như phân tích các quy định của pháp luật, giải thích quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố cáo, Luật khiếu nại. Sau khi trao đổi với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, bà L đề nghị tạm ngừng phiên tòa để đối thoại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Không có ý kiến gì thêm.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu, ông Tổng Thành H – Phó Chủ tịch trình bày trong văn bản gửi Tòa án ngày 23/7/2021 (BL77-79):

Thứ nhất: Về việc ban hành văn bản số 1199 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật về trình tự, nội dung, thẩm quyền.

Ngày 25/02/2020 Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu nhận được đơn Tố cáo và kêu cứu khẩn cấp (đề ngày 22/02/2020) của bà L về việc không chi trả phụ

cấp đặc thù theo quy định tại Thông tư 37 của liên bộ Bộ Y tế - Bộ Tài chính của 13 đơn vị trực thuộc Sở Y tế và việc ban hành Quyết định 1262/QĐ-UBND trái quy định của pháp luật.

Sau khi tiếp nhận đơn, Chủ tịch UBND giao Sở tài chính; Sở Y tế cùng các đơn vị liên quan phối hợp giải quyết. Ngày 21/5/2020 làm việc trực tiếp với bà L, về nội dung 13 đơn vị trực thuộc Sở Y tế (hiện có 2 đơn vị sáp nhập nên còn 12 đơn vị) chưa chi trả đặc thù (bà L không cung cấp được tài liệu 11/12 đơn vị ngoài Bệnh viện YHCT nơi bà công tác chưa chi trả) theo Thông tư 37. Bệnh viện YHCT đã bố trí 372.931.500 đồng để chi trả tiền thủ thuật năm 2016 và 2017 nhưng do thời gian thực hiện thủ thuật không đảm bảo theo quy định tại Thông tư 50/2014/TT-BYT (Thông tư 50) ngày 26/12/2014 nên phải chờ hướng dẫn cụ thể của Bộ Y tế. Sở Y tế cũng đã ban hành Công văn số 424/SYT-KHTC ngày 19/3/2020 đề nghị Bộ y tế hướng dẫn và đến nay Bộ Y tế đã ban hành văn bản 1942/BYT-KHTC ngày 23/3/2021 trả lời, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính và Sở Y tế hướng dẫn Bệnh viện YHCT chi trả phụ cấp theo quy định.

Thứ hai: Việc ban hành Thông báo số 50 ngày 05/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu là hoàn toàn có cơ sở, đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

Sau khi nhận được đơn đề ngày 28/6/2020 của bà L khiếu nại Công văn 1199. Chủ tịch UBND tỉnh đã giao cho cơ quan chuyên môn tiến hành rà soát hồ sơ, tài liệu liên quan để trả lời công dân theo quy định. Căn cứ Luật khiếu nại năm 2011; khoản 2 Điều 7 Thông tư 07/2014/TT-CP (Thông tư 07) ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính Phủ, Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu ban hành Thông báo số 50 với lý do: *năm 2005 bà L làm nhân viên phục vụ tại Trường Phổ thông DTNT tỉnh theo quyết định 369/QĐ-SNV ngày 20/9/2005; Theo quyết định 625/QĐ-SNV ngày 30/12/2009 chuyển đến công tác tại Bệnh viện YHCT từ ngày 01/01/2010; Theo quyết định 713/QĐ-SNV ngày 01/9/2010, chuyển sang viên chức loại C, nhóm ngạch: Hộ lý; năm 2016 được phân công nhiệm vụ làm hộ lý buồng bệnh theo quyết định 161/QĐ-BVYHCT ngày 11/7/2016; năm 2017 được phân công làm nhiệm vụ vệ sinh ngoại cảnh và khu vật lý trị liệu phục hồi chức năng, hội trường bệnh viện, theo quyết định số 228/QĐ-BVYHCT ngày 31/8/2017; danh sách bảng chấm công người thực hiện thủ thuật từ năm 2016 đến tháng 7 năm 2021 của bệnh viện không có tên bà L. Do đó bà L không thuộc diện được hưởng chế độ phẫu thuật, thủ thuật theo quy định.*

Thông báo số 50 là văn bản thông báo cho người khiếu nại biết lý do không thụ lý, giải quyết khiếu nại của bà L đối với Công văn 1199 và hướng dẫn cho công dân về quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại. Do ngày 05/8/2020 bà L gửi đơn khiếu nại đến Bộ Y tế, nên sau khi ban hành Thông báo 50 UBND tỉnh ban hành công văn số 435/UBND-TD ngày 26/02/2021 gửi Thanh tra Bộ Y tế để báo cáo kết quả xử lý đơn.

Ngoài ra từ khoảng năm 2017 đến nay bà L nhiều lần gửi đơn khiếu nại,

tố cáo, kiến nghị, phản ánh đến các cơ quan trung ương, địa phương mặc dù nội dung đơn đã được xem xét giải quyết (Kết luận thanh tra số 1602/KL-UBND ngày 12/10/2018), xác minh nhiều lần xong bà L không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại, tố cáo theo quy định mà tiếp tục viết đơn và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ.

Người bị kiện đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của bà L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện thống nhất với ý kiến người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và bổ sung như sau:

Thứ nhất: Việc ban hành Quyết định 1262 ngày 07/10/2019 UBND tỉnh căn cứ vào mục a khoản 2 Điều 3 Thông tư số 326/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính và Công văn số 3048/BYT-KHTC của Bộ Y tế “...*chi mua trang thiết bị y tế cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để nâng cao chất lượng dịch vụ...*” sau khi có thông báo nhất trí chủ trương của Ban thường vụ tỉnh ủy (TB số 1001 ngày 31/7/2019 về *Kết luận của Ban thường vụ tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 30/7/2019*) và Công văn thống nhất của HĐND tỉnh (CV 394 ngày 03/10/2019). Như vậy việc ban hành Quyết định 1262 là đúng quy định.

Thứ hai: Đối với báo cáo 216/BC-SYT ngày 19/5/2020 của Sở Y tế, đây là báo cáo rà soát việc chi trả phụ cấp đặc thù từ năm 2016 đến năm 2019 theo yêu cầu phối hợp giải quyết đơn của Sở Tài chính.

Thứ ba: Người khởi kiện không có cơ sở và không chứng minh được quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm, thiệt hại như thế nào.

Thứ tư: Số tiền phẫu thuật, thủ thuật năm 2016 và 2017 sau khi có hướng dẫn của Bộ Y tế đã được chi trả đầy đủ và trong danh sách chi trả không có tên của bà L (bà L không được hưởng chế độ đó; bà L không phải là người hành nghề khám chữa bệnh theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12; trong đơn vị bà L không được phân công nhiệm vụ này).

Ngày 13/08/2020; ngày 24/9/2020; ngày 02/11/2020; ngày 31/01/2021 và ngày 07/4/2021 bà L nhiều lần làm đơn khiếu nại Thông báo số 50 ngày 05/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu đều cùng với lý do: *Không nhất trí với Thông báo số 50 vì trái quy định của pháp luật; Hủy bỏ thông báo số 50; Giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật.* Ngoài ra ngày 10/12/2020 bà L làm đơn cùng nội dung gửi Bộ trưởng Bộ Y tế và Tổng Thanh tra Chính Phủ.

Đối với đề nghị của người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện nhất trí và đề nghị HĐXX căn cứ quy định pháp luật tạo điều kiện để các bên đối thoại.

Hết thời gian đối thoại, người khởi kiện bà Đỗ Thị L có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Bà L vắng mặt khi phiên tòa tiếp tục được tiến hành, không có lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham

gia phiên tòa:

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký đã tuân thủ theo quy định của pháp luật Tổ tụng Hành chính.

Người khởi kiện: Trong thời gian chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định; Tại phiên tòa chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 56 và Điều 157 Luật TTHC.

Người bị kiện: Thực hiện đúng quy định tại Điều 57; Điều 128; Điều 157 Luật TTHC. Người đại diện theo ủy quyền thực hiện đúng quy định tại Điều 60 và Điều 157 Luật TTHC.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cơ bản thực hiện đúng quy định tại Điều 61; Điều 157 Luật TTHC. Tại phiên tòa chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 61 Luật TTHC.

Quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện có căn cứ theo quy định tại Điều 115; Điều 116 Luật TTHC và Điều 7 Luật Khiếu nại.

Quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa người khởi kiện bà Đỗ Thị L có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đảm bảo theo khoản 3 Điều 55 Luật TTHC, căn cứ khoản 1 Điều 143, Điều 144 và Điều 165 Luật TTHC đề nghị HĐXX ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án; về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa đại diện người bị kiện ông Tống Thanh H; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện các ông Lê Thanh H1 – Giám đốc Sở tư pháp, ông Lò Văn D – Phó Giám đốc sở Tài chính vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 157 Luật Tổ tụng hành chính phiên xét xử được tiến hành theo quy định.

[1.2] Sau khi phiên tòa được hoãn ngày 19/10/2021 bà L có đơn đề nghị như sau:

Thứ nhất: Mời Luật sư Phạm Tuấn A (Công ty luật TNHH AB&PARTNERS) bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng;

Thứ hai: Đơn đề nghị Tòa án thu thập tài liệu gồm: (1) Báo cáo thu chi từ nguồn thu viện phí (năm 2016-2017); (2) Danh sách các loại phẫu thuật, thủ thuật (năm 2016-2017), (3) chứng từ liên quan đến số tiền kết dư (năm 2016-2017).

Thứ ba: Đưa Bệnh viện YHCT tham gia tố tụng với tư cách là người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tòa án nhất trí luật sư Tuấn A bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L, đồng thời cho tiếp cận hồ sơ. Tại phiên tòa hôm nay HĐXX sau khi thảo luận tại phòng nghị án xét thấy để đảm bảo quyền của bà L theo quy định tại khoản 13 Điều 55 Luật Tổ tụng hành chính, nhất trí luật sư Tuấn A bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L tại phiên tòa với điều kiện luật sư Tuấn A đã nghiên cứu hồ sơ vụ kiện và thực hiện đảm bảo việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L.

Về yêu cầu thu thập các tài liệu chứng cứ: Bảng chấm công thủ thuật (năm 2016-2017) đã có trong hồ sơ. Báo cáo thu chi; Chứng từ liên quan đến kết dư; Đưa Bệnh viện YHCT tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Các yêu cầu trên không liên quan đến yêu cầu khởi kiện và nội dung khởi kiện của bà L nên HĐXX không chấp nhận.

Trong phần tranh tụng, sau khi đã xét hỏi đối với những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa, bà Đỗ Thị L và luật sư đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để đối thoại với người bị kiện, HĐXX căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 187 Luật TTHC tạm ngừng phiên tòa. Phiên tòa tiếp tục được tiến hành khi hết thời gian tạm ngừng, người khởi kiện bà Đỗ Thị L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông Phạm Tuấn A vắng mặt không có lý do. Bà L vi phạm nội quy phiên tòa khoản 7 Điều 153 (... *phải có mặt trong suốt thời gian xét xử* ...), tuy nhiên không có căn cứ hoãn phiên tòa theo Điều 162, tạm đình chỉ vụ án theo Điều 141, Đình chỉ vụ án theo Điều 143 hay xét xử theo Điều 158 của Luật Tổ tụng hành chính. HĐXX sau khi thảo luận và quyết định phiên tòa tiếp tục được tiến hành, phần tranh luận và tuyên án không có mặt người khởi kiện; các quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện được thực hiện như trường hợp vắng mặt có lý do.

[1.3] Quyền khởi kiện: bà L có quyền khởi kiện hành vi hành chính theo quy định tại Điều 115 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.4] Đối tượng khởi kiện: Hành vi hành chính không giải quyết khiếu nại Thông báo số 50/TB-UBND ngày 05/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu.

[1.5] Người bị kiện: Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30 và khoản 3 Điều 32 Luật Tổ tụng Hành chính.

[1.6] Về thời hiệu khởi kiện: ngày 05/8/2020 UBND tỉnh Lai Châu ban hành Thông báo số 50/TB-UBND trả lời đơn khiếu nại của bà L; ngày 13/8/2020 bà L làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu, sau đó các ngày 13/08/2020; 24/9/2020; 02/11/2020; 31/01/2021 và 07/4/2021 bà L tiếp tục làm đơn khiếu nại nhưng không được giải quyết. Ngày 23/6/2021 bà L làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính, yêu cầu khởi kiện của bà L đảm bảo về thời

hiệu.

[2] *Về nội dung:*

Kết thúc phần thủ tục người khởi kiện bà Đỗ Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu: *Buộc Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu giải quyết “Đơn khiếu nại” của bà theo quy định của pháp luật.*

Hết thời gian tạm ngừng phiên tòa bà L có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện gửi HĐXX, bà L và Luật sư vắng mặt không có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có mặt tại phiên tòa không có ý kiến gì với việc rút đơn của người khởi kiện và đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong phần thủ tục bà L đã được giải thích về quyền rút yêu cầu khởi kiện của mình tuy nhiên bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu trong đơn khởi kiện. HĐXX tiến hành phiên tòa theo quy định của pháp luật, trong phần hỏi HĐXX đã hỏi làm rõ nguyên nhân của việc khởi kiện, đồng thời phân tích, giải thích cho người khởi kiện những quy định về quyền và nghĩa vụ của bà L cũng như tính hợp pháp của các văn bản, thông báo giải quyết tố cáo, giải quyết khiếu nại của người bị kiện. Sau khi nghe phân tích, giải thích bà Đỗ Thị L hoàn toàn tự nguyện xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Để đảm bảo quyền của người khởi kiện quy định tại Điều 56 và khoản 3 Điều 55 Luật Tổ tụng hành chính HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc “rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện”.

Đối với quan điểm của kiểm sát viên tham gia phiên tòa “đề nghị HĐXX chấp nhận ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án” theo quy định tại khoản 1 Điều 143 và Điều 144, Điều 165 Luật TTHC (không chỉ rõ điểm nào của khoản 1 Điều 143). Đối với yêu cầu này do người khởi kiện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện trong phần tranh tụng, HĐXX xét thấy cần ra Bản án mới phù hợp với quy định, thể hiện được diễn biến tại phiên tòa mà vẫn đảm bảo quyền và lợi ích của bà L nên không chấp nhận.

[5] *Về án phí:* Bà L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 204 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; Điều 115; Điều 116; điểm b khoản 1 Điều 143; Điều 193; Điều 204; Điều 206; Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 7 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu “rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện”

- Đình chỉ việc giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 05/2021/TLST-HC ngày 13 tháng 7 năm 2021 về “Khiếu kiện hành vi hành chính” giữa

Người khởi kiện: Bà **Đỗ Thị L** - sinh năm 1976

Địa chỉ: số nhà 40, tổ 10, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

Địa chỉ: Trung tâm hành chính – chính trị, tỉnh Lai Châu.

- Hậu quả của việc đình chỉ: Khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đó, nếu việc khởi kiện này không có gì khác với vụ án đã bị đình chỉ về người khởi kiện, người bị kiện và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ các trường hợp bị đình chỉ theo quy định tại các điểm b, c và e khoản 1 Điều 123, điểm b và điểm đ khoản 1 Điều 143 của Luật này và trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

[2] Về án phí: Trả lại bà Đỗ Thị L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0000856 ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu.

Án xử công khai sơ thẩm, người khởi kiện, người bị kiện vắng mặt khi tuyên án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao Hà Nội;
- VKSND Cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Các đương sự;
- Cục THA tỉnh Lai Châu;
- Người BV quyền và lợi ích hợp pháp
- Lưu hồ sơ - TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Đức Long